TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 -6 - 2023.
V/v "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.
Ông Đinh Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 21/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lại Văn K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tại Tòa án, chị Bùi Thị A là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lại Văn K kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 06 tháng 10 năm 2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được

tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến vợ chồng hay xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình, đoàn thể địa phương hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2007, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ky để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có một người con chung là cháu Lại Thị Th, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Th ở với chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Anh Lại Văn K là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần và được niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, trụ sở Uỷ ban nhân dân xã Tân Sơn và tại nơi cư trú của anh K ở thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị A. 1. Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị A và anh Lại Văn K. 2. Con chung: Giao cháu Lại Thị Th, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh K không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị A. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Bùi Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lại Văn K là bị đơn; địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Bùi Thị A có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Anh Lại Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị A và anh Lại Văn K hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký ngày 06 tháng 10 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị A, anh K chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xảy ra đánh cãi, chửi nhau. Năm 2007, chị A đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình sinh sống. Theo các tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương và lời thừa nhận của đương sự thì vợ chồng sống mỗi người một nơi đã nhiều năm, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị A, anh K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị A xin ly hôn anh K là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị A, anh K có một con chung là cháu Lại Thị Th, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Th ở với chị A, được chị An nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Để không xáo trộn cuộc sống của cháu Th cũng như ý kiến, nguyện vọng của cháu Th xin được ở với mẹ và nguyện vọng của chị A xin được tiếp tục nuôi dưỡng con được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh K không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị A là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

các Điều 56; Điều 57 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Bùi Thị A và anh Lại Văn K.

2. Con chung: Giao cháu Lại Thị Th, sinh ngày 30 tháng 3 năm 2007 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thúy đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh K không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị A.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số số 0002071 ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị A đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm công khai, chị A, anh K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Tân Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt